

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 39/2019/HS-PT
Ngày 31-5-2019

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa;

Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái;

Ông Chu Long Kiểm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Hồng Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 24/2019/TLPT-HS ngày 01 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo Phương Văn H, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2019/HS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Bị cáo có kháng cáo: Phương Văn H, sinh ngày 03 tháng 8 năm 1984 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Tạm trú: đường T, phường M, quận H, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Nguyên lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phương Văn D và bà Triệu Thị D; có vợ Trần Thị N (đã ly hôn năm 2017) và có 01 con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Trần Thị N, sinh năm 1994. Trú tại: Thôn P, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2012, Trần Thị N kết hôn với Phương Văn H và ngày 21-6-2014 sinh được cháu Phương Phi H. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên Trần Thị N đã làm đơn ra Tòa yêu cầu được ly hôn với Phương Văn H. Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 06/2017/HNGĐ-ST ngày 12-4-2017 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Phương Văn H; về con chung: Chị Trần Thị N được trực tiếp nuôi con chung là cháu Phương Phi H hiện đang sinh sống với anh Phương Văn H. Anh Phương Văn H có trách nhiệm giao con chung là Phương Phi H cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền thăm nom con và nghĩa vụ chịu án phí. Trong hạn luật định, Phương Văn H kháng cáo toàn bộ bản án. Tại Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số: 06/2017/HNGĐ-PT ngày 27-6-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của Phương Văn H, giữ nguyên quyết định của Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 06/2017/HNGĐ-ST ngày 12-4-2017 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, Phương Văn H không tự nguyện thi hành án. Ngày 18-7-2017, chị Trần Thị N có đơn yêu cầu thi hành án gửi đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 24-7-2017, Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn ra Quyết định thi hành án số: 151/QĐ-CCTHADSA quyết định Phương Văn H có trách nhiệm giao con chung là cháu Phương Phi H cho Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Ngày 25-7-2017, Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn đến nhà Phương Văn H yêu cầu thi hành án nhưng Phương Văn H chỉ đồng ý giao con khi chị Trần Thị N trả tiền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phương Phi H cho mẹ của mình là bà Triệu Thị D mỗi ngày 1.000.000 đồng trong khoảng thời gian hai năm. Trước ý kiến của Phương Văn H đưa ra, Trần Thị N không đồng ý.

Sau đó, Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn đã nhiều lần gặp gỡ, giáo dục, thuyết phục, yêu cầu Phương Văn H tự nguyện thi hành Bản án nhưng Phương Văn H không chấp hành. Ngày 21-8-2017, Chấp hành viên ra Quyết định số: 277/QĐ-CCTHADS về việc xử phạt vi phạm hành chính Phương Văn H bằng hình thức cảnh cáo đối với hành vi đã được thông báo giấy triệu tập lần hai của người có thẩm quyền thi hành án nhưng không đến địa điểm ghi trong giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng và đối với hành vi không thực hiện công việc nhất định theo bản án, quyết định. Ngày 25-9-2017, Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định cưỡng chế số: 02/QĐ-CCTHADS về việc cưỡng chế giao người chưa thành niên cho người được giao nuôi dưỡng. Ngày 26-9-2017, tại Trường trung học cơ sở xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, Phương Văn H đồng ý giao con cho Trần Thị N vào ngày 28-9-2017. Tuy nhiên đến ngày 28-9-2017, Phương Văn H vẫn đưa ra điều kiện yêu cầu Trần Thị N phải bồi thường tiền công chăm sóc con chung cho bà Triệu Thị D nhưng Trần Thị N không nhất trí nên việc giao con không thành.

Ngày 04-10-2017, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 01/QĐ-CTHA đối với Phương Văn H với số tiền xử phạt 3.000.000 đồng; lý do xử phạt: Không thực hiện công việc phải làm

theo Quyết định của Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số: 06/2017/HNGĐ-PT ngày 27-6-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Ngày 10-5-2018, Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn ra Thông báo số: 309/TB-THADS về việc cưỡng chế thi hành án theo Quyết định cưỡng chế số: 02/QĐ-CCTHA ngày 25-9-2017, thời gian cưỡng chế vào hồi 06 giờ 05 phút ngày 22-5-2018, địa điểm cưỡng chế tại nhà của Phương Văn H. Tuy nhiên, đến ngày 22-5-2018, Phương Văn H không có mặt tại nhà nên việc cưỡng chế không thành. Sau đó, Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Công an huyện Văn Quan, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn nhiều lần giáo dục, thuyết phục thi hành Bản án nhưng Phương Văn H không chấp hành.

Ngày 20-8-2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tiếp nhận kiến nghị khởi tố và nhận hồ sơ ban đầu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi thu thập chứng cứ ngày 09-10-2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với Phương Văn H.

Ngày 16-02-2019, Phương Văn H mới giao cháu Phương Phi H cho Trần Thị N theo quyết định của Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số: 06/2017/HNGĐ-PT ngày 27-6-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2019/HS-ST ngày 27-02-2019 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn đã tuyên bố bị cáo Phương Văn H phạm tội Không chấp hành án. Căn cứ khoản 1 Điều 380, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phương Văn H 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm và nghĩa vụ của người được hưởng án treo, về án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11-3- 2019, Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn nhận được Đơn kháng cáo đề ngày 08-3-2019 của bị cáo Phương Văn H với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, cụ thể: bị cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm, bị cáo cho rằng bị cáo luôn thực hiện việc giao con chung là cháu Phương Phi H cho Trần Thị N nhưng với điều kiện chị Trần Thị N phải trả lại cho mẹ bị cáo là bà Triệu Thị D tiền công chăm sóc cháu Phương Phi H mỗi ngày 1.000.000 đồng với thời hạn hai năm. Yêu cầu này của bị cáo không được chị Trần Thị N chấp nhận. Bị cáo thừa nhận bản thân đã bị cơ quan chức năng xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo; bị xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền) vì không chấp hành án. Ngày 16-02-2019, bị cáo mới giao cháu Phương Phi H cho Trần Thị N mà không kèm theo điều kiện gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Mặc dù tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân xong qua các tài liệu chứng cứ được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa vẫn có đủ căn cứ xác định Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội Không chấp hành án là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan; bị cáo bị xử phạt 06 tháng tù, cho hưởng án treo với thời gian thử thách 12 tháng là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phương Văn H, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phương Văn H không nhận tội, bị cáo cho rằng: Bị cáo luôn đồng ý giao con cho Trần Thị N nhưng Trần Thị N phải trả tiền công chăm sóc con cho mẹ của bị cáo là bà Triệu Thị D 1.000.000 đồng/ngày trong thời gian mẹ bị cáo trông nom, chăm sóc cháu Phương Phi H. Thấy rằng: Bị cáo là người phải thi hành án, có đủ điều kiện thi hành Quyết định số: 151/QĐ-CCTHADS ngày 24-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn với khoản phải thi hành là: Phương Văn H có trách nhiệm giao cháu Phương Phi H cho Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi theo như nội dung tại quyết định của Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số: 06/2017/HNGĐ-PT ngày 27-6-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Xét yêu cầu bị cáo đưa ra là vô lý, không có căn cứ để chấp nhận, đó là thủ đoạn để bị cáo không chấp hành án. Ngoài ra, bị cáo còn dùng nhiều thủ đoạn khác để không chấp hành án như: Không nhận văn bản của cơ quan Thi hành án; bị cáo hẹn ngày giao con theo quyết định của Bản án nhưng đến ngày đó bị cáo lại không có mặt, khóa cửa nhà Tại quyết định của Bản án có hiệu lực pháp luật mà bị cáo phải thi hành không có nội dung Trần Thị N phải trả tiền công chăm sóc cháu Phương Phi H cho mẹ của bị cáo. Bản thân Trần Thị N cũng như cơ quan Thi hành án không giao cháu Phương Phi H cho bà Triệu Thị D chăm sóc; bà Triệu Thị D cũng không hề thỏa thuận công sức, thù lao chăm sóc cháu Phương Phi H với Trần Thị N, với cơ quan Thi hành án hay bất kỳ cơ quan nào khác. Nếu quyền lợi bị xâm phạm thì bà Triệu Thị D có quyền yêu cầu có quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật; bị cáo không có quyền lấy lý do đòi tiền công của bà Triệu Thị D để không chấp hành án. Việc thi hành án xuất phát chính từ quyền lợi của trẻ em là cháu Phương Phi H và người được thi hành án, không phải xuất phát từ quyền lợi của bị cáo và bà Triệu Thị D. Bị cáo đã bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án và bị xử phạt vi phạm hành chính về việc không chấp hành án nhưng bị cáo vẫn không thi hành quyết định của bản án mà bị cáo có nghĩa vụ phải thực hiện. Từ những phân tích trên có đủ căn cứ khẳng định hành vi của bị cáo Phương Văn H đã

phạm tội Không chấp hành án. Do đó, Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Phương Văn H phạm tội Không chấp hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 380 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện thấy rằng: Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của các cơ quan có trách nhiệm thi hành án đối với các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, đồng thời xâm phạm trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người được thi hành án. Bị cáo nhận thức được hành vi không chấp hành án, không thực hiện nghĩa vụ của mình được quy định trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật nhằm giáo dục bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung.

[3] Tại cấp sơ thẩm, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cụ thể: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả; chỉ Trần Thị N đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại phiên phúc thẩm, mặc dù bị cáo không nhận tội, không thành khẩn khai báo, không thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Tuy nhiên, Tòa án cấp phúc thẩm không làm xấu đi tình trạng của bị cáo mà vẫn đề cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như cấp sơ thẩm đã áp dụng.

[4] Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa từng bị kết án, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; bị cáo có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong thời gian tại ngoại vừa qua không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Bản án sơ thẩm đã ấn định mức hình phạt đối với bị cáo 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng là phù hợp với các quy định của pháp luật cần giữ nguyên mức hình phạt này.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 3 Điều 380 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ (Biên bản xác minh ngày 06-11-2018) và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện: Gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội đã xảy ra, đúng với các quy định của pháp luật về xử lý đối với hành vi trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do bị cáo bị kết án nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phương Văn H, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2019/HS-ST ngày 27-02-2019 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Phương Văn H phạm tội Không chấp hành án.

2. Hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 380, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Phương Văn H 06 (sáu) tháng tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 27-02-2019.

Giao bị cáo Phương Văn H cho Ủy ban nhân dân phường M, quận H, thành phố Hà Nội để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3.1 Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phương Văn H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

3.2 Án phí phúc thẩm: Bị cáo Phương Văn H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h. Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h. Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. V, tỉnh Lạng Sơn;
- CA h. Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người có QL, NVLQ đến vụ án;
- Lưu: HS; Tòa HS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Hoa